

Về chủ quyền lịch sử, pháp lý của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Nguyễn Bá Điển*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 9 năm 2012

Tóm tắt. Bài viết đưa ra những minh chứng pháp lý khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bài viết đã phân tích một số nội dung mới được trích dẫn trong các sách địa lý và bản đồ cổ của Việt Nam để chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này. Một trong những nội dung đáng chú ý là ít nhất từ thế kỷ XVI, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện một cách hòa bình, thực sự, công khai và liên tục các hoạt động trên biển nhằm củng cố chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo. Bài viết cũng đưa ra thực trạng bảo vệ và thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo từ chiến tranh thế giới thứ 2 tới nay và khẳng định Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự và công khai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, khi mà các quần đảo đó chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào.

Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo ở ngoài khơi Việt Nam trong Biển Đông⁽¹⁾: Quần đảo Hoàng Sa chỗ gần nhất cách đảo Ré một đảo ven bờ của Việt Nam khoảng 120 hải lý, cách Đà Nẵng khoảng 170 hải lý về phía Đông, và, quần đảo Trường Sa chỗ gần nhất cách Vịnh Cam Ranh khoảng 250 hải lý về phía Đông.

Nhận thức của các nhà hàng hải thời xưa về Hoàng Sa và Trường Sa lúc đầu còn mơ hồ. Họ chỉ biết có một khu vực rộng lớn rất nguy hiểm cho tàu thuyền vì ở đó có những bãi đá ngầm. Ngày xưa, người Việt Nam gọi đó là Bãi Cát Vàng, Hoàng Sa, Vạn Lý Hoàng Sa, và quần đảo Trường Sa hoặc Vạn Lý Trường Sa như các sách và bản đồ cổ của Việt Nam đã chứng tỏ.

Hầu như tất cả các bản đồ của các nhà hàng hải phương Tây từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII đều vẽ chung quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa làm một dưới cái tên Pracel, Parcel hay Paracels⁽²⁾. Các bản đồ trên nói chung đều xác định vị trí khu vực Pracel (tức là cả Hoàng Sa và Trường Sa) là giữa Biển Đông, phía đông Việt Nam, bên ngoài những đảo ven bờ của Việt Nam. Về sau, với tiến độ của khoa học và hàng hải, người ta đã phân biệt có hai quần đảo: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Hai quần đảo mà các bản đồ hàng hải quốc tế ngày nay ghi là Paracels và Spatley hoặc Spratly chính là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Những tên “Tây Sa” và “Nam

* ĐT: 84-4-35650769.

E-mail: nbadien@yahoo.com

⁽¹⁾ Nhân dân Việt Nam từ lâu dùng từ Biển Đông để chỉ cái mà các bản đồ phương Tây gọi là Biển Trung hoặc biển Nam Trung Hoa.

⁽²⁾ Bản đồ của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp như Lazaro Luis, Ferdanão Vaz Dourdo, João Teixeira, Janssonius, Willem Jansz Blaeu, Jacob Aertsz Colom, Theunis Jacobsz, Hendrick Doneker, Frederick De Wit, Pletre du Val, Henricus E. Van Langren, v.v...

Sa” là tên phía Trung Quốc mới đưa ra mấy thập kỷ gần đây để phục vụ mưu đồ giành giật biển đảo của họ. *Từ lâu, nhân dân Việt Nam đã phát hiện quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu và thực hiện chủ quyền của mình đối với hai quần đảo đó một cách thật sự, liên tục và hoà bình.*

1. Chủ quyền lịch sử của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa⁽³⁾

Nhiều sách địa lý và bản đồ cổ của Việt Nam ghi chép rõ Bãi Cát Vàng, Hoàng Sa, Vạn lý Hoàng Sa, Đại Trường Sa hoặc Vạn lý Trường Sa từ lâu đã là lãnh thổ Việt Nam.

Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư, tập bản đồ Việt Nam do Đỗ Bá, tên chữ là Công đạo, soạn vẽ vào thế kỷ XVII, ghi rõ trong lời chú giải bản đồ vùng Phủ Quảng Nghĩa, xứ Quảng Nam: “giữa biển có một bãi cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng”, “Họ Nguyễn⁽⁴⁾ mỗi năm vào tháng cuối mùa Đông đưa mười tám chiếc thuyền đến lấy hoá vật, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn”.

Trong *Giáp Ngọ bình nam đồ*, bản đồ xứ Đàng Trong do Đoán quận công Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774, Bãi Cát Vàng cũng được vẽ là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam⁽⁵⁾.

Phủ biên tạp lục, cuốn sách của nhà bác học Lê Quý Đôn (1726 - 1784) viết về lịch sử, địa lý, hành chính xứ Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn (1558 - 1775) khi ông được triều đình bổ nhiệm phục vụ tại miền Nam, chép rõ đảo Đại Trường Sa (tức Hoàng Sa và Trường Sa) thuộc phủ Quảng Ngãi. “Xã An Vĩnh”⁽⁶⁾, huyện Bình Sơn, Phủ Quảng Nghĩa, ở ngoài cửa biển

có núi⁽⁷⁾ gọi là Cù Lao Ré, rộng hơn 30 dặm⁽⁸⁾, có phường Tứ Chính, dân cư trồng đậu, ra biển bốn canh thì đến, phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa. Trước kia có nhiều hải vật và hoá vật của tàu, lập đội Hoàng Sa để lấy, đi ba ngày đêm mới đến, là chỗ gần xứ Bắc Hải”.

Đại Nam nhất thống toàn đồ, bản đồ nước Việt Nam vẽ vào khoảng năm 1838, ghi “Hoàng Sa” - “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Đại Nam nhất thống chí, bộ sách địa lý Việt Nam do Quốc sử quán nhà Nguyễn (1802 - 1845) soạn xong năm 1882⁽⁹⁾ ghi Hoàng Sa là bộ phận lãnh thổ Việt Nam thuộc tỉnh Quảng Nghĩa. Đoạn nói về hình thể tỉnh Quảng Nghĩa, cuốn sách viết: “Phía Đông có đảo cát - đảo Hoàng Sa - liền với biển làm hào; phía Tây là miền sơn man, có lũy dài vững vàng; phía Nam liền với tỉnh Bình Định, có đèo Bến Đá chặn ngang, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, có ghềnh Sa Thổ làm giới hạn”.

Nhiều nhà hàng hải, giáo sĩ phương Tây trong những thế kỷ trước đều xác nhận Hoàng Sa (Pracel hay Paracel) thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Một giáo sĩ phương Tây đi trên tàu Amphitrile từ Pháp sang Trung Quốc năm 1701 viết trong một lá thư rằng: “Paracel là một quần đảo thuộc vương quốc An Nam”⁽¹⁰⁾.

⁽³⁾ Xem thêm: Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Sách trắng, Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa Bộ phận lãnh thổ của Việt Nam* các năm 1979, 1981.

⁽⁴⁾ Tức chúa Nguyễn, cát cứ xứ Đàng trong từ năm 1558 đến năm 1775.

⁽⁵⁾ Trong tập Hồng Đức bản đồ. Xem thêm: Nhiều tác giả (2011), *Bảng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2011.

⁽⁶⁾ Ở phía Nam biển Sa Kỳ, phường An Vĩnh ở Cù Lao Ré cũng thuộc xã này.

⁽⁷⁾ Đối với người Việt Nam cũng như người Trung Quốc, chữ Hán “Sơn” có nghĩa là núi, nhưng cũng được dùng để chỉ các hải đảo. Thí dụ: Phần lớn các đảo ở ngoài cửa vịnh Hàng Châu (Nam Thượng Hải) đều được người Trung Quốc gọi là sơn: Bạch Sơn, Đại Ngự Sơn, Đại Dương Sơn, Tiểu Dương Sơn, Trúc Sơn, Tù Sơn, v.v... Người Trung Quốc cũng dùng sơn để chỉ một số đảo của Việt Nam như Cửu Đầu Sơn (đảo Cô Tô), Bát Lao Sơn (cù Lao Chàm), Ngoại La Sơn (Cù Lao Ré)...

⁽⁸⁾ Dặm: Đơn vị đo lường thời xưa của Việt Nam, tương đương 1/2km.

⁽⁹⁾ Phần viết về các tỉnh Trung Bộ được soạn lại và khắc in năm 1909.

⁽¹⁰⁾ J.Y.C. Trích dẫn trong bài “Bí mật các đảo San hô - Nhật ký về cuộc hành trình đến Hoàng Sa”. (Mystere des atolls - Journal de voyage aux Paracels) đăng trong tuần báo “Đông Dương” (Indochine) trong các số ngày 3, 10,

J.B. Chaigneau, cố vấn của vua Gia Long, năm 1820 đã viết trong phần chú thích bổ sung vào cuốn *Hồi Ký về nước Cochinchine*⁽¹¹⁾: “Nước Cochinchine mà nhà vua bây giờ đã lên ngôi Hoàng đế gồm xứ Cochinchine và xứ Đông Kinh⁽¹²⁾ ... một vài đảo có dân cư không xa bờ biển và quần đảo Paracel do những đảo nhỏ, ghềnh và đá không có dân cư hợp thành...”⁽¹³⁾.

Giám mục J.L. Taberd, trong bài “*Ghi chép về địa lý nước Cochinchine*” xuất bản năm 1837, cũng mô tả “Pracel hay Paracels” là phần lãnh thổ nước Cochinchine và nói rõ người Cochinchine gọi Pracel hay Paracels là “Cát Vàng”⁽¹⁴⁾. Trong *An Nam đại quốc hoạ đồ* xuất bản năm 1838, ông đã vẽ một phần của Paracel và ghi “Paracel hay Cát Vàng” (Paracel seu Cát Vàng) ở ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam, vào khu vực quần đảo Hoàng Sa hiện nay⁽¹⁵⁾.

Trong bài “*Địa lý vương quốc Cochinchina*”⁽¹⁶⁾ của Gutzlaff, xuất bản năm 1849 có đoạn nói rõ Paracels thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là “Kát Vàng”.

17 tháng 7 năm 1941 - Danh từ Vương quốc An Nam trong tài liệu chỉ nước Việt Nam thời bấy giờ.

⁽¹¹⁾ Danh từ Cochinchine (tiếng Pháp) hoặc Cochinchina (tiếng Anh) trong tài liệu phương Tây trích dẫn ở đây có hai nghĩa tùy theo văn cảnh: a) Nước Việt Nam thời bấy giờ, sách này dịch là nước Cochinchine; b) Xứ Đàng Trong thời bấy giờ, sách này dịch là xứ Cochinchine.

⁽¹²⁾ Tức Đàng Ngoài (le Tonkin).

⁽¹³⁾ A.Salles trích dẫn trong bài “Hồi ký về nước Cochinchine của J.B. Chaigneau” (Le mémoire sur la Cochinchine de J.B. Chaigneau) đăng trong “Tạp chí của những người bạn thành Huế cổ” (“Bulletin des amis du vieux Huế”) số 2 năm 1923 tr. 257.

⁽¹⁴⁾ “Ghi chép về địa lý nước Cochinchina” (“Note on Geography of Cochinchina”) của giám mục Jean-Louis Taberd đăng trong “Tạp chí của Hội châu Á Băng-Gan” (The Journal of the Asiatic Society of Bengal) tập VI, 1837, tr.745.

⁽¹⁵⁾ Đính trong cuốn “Từ điển La Tinh - Việt Nam” (Dictionarium Latino-Anamiti-cum), 1838.

⁽¹⁶⁾ Bài “Địa lý vương quốc Cochinchina” (Geography of the Cochinese Empire) đăng trong “Tạp chí Hội địa lý Hoàng gia Luân Đôn” (The Journal of the Royal Geography Society of London) tập XIX, 1849, tr.93.

Với tư cách là người làm chủ, trong nhiều thập kỷ nhà nước phong kiến Việt Nam đã nhiều lần tiến hành điều tra khảo sát địa hình và tài nguyên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các sách địa lý và lịch sử của Việt Nam từ thế kỷ XVII đã ghi lại kết quả các cuộc khảo sát đó.

Trong *Toàn tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư* (thế kỷ XVII): “Giữa biển có một bãi cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm, đứng dựng giữa biển, từ cửa Đại Chiêm⁽¹⁷⁾ đến cửa Sa Vinh⁽¹⁸⁾ mỗi lần có gió Tây Nam thương thuyền các nước đi ở phía ngoài trong trời dạt ở đây, có gió Đông Bắc thì thương thuyền đi ở phía ngoài cũng trôi dạt ở đây, đều cùng chết đói hết cả, hàng hoá thì đều để lại ở nơi đó”⁽¹⁹⁾.

Trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (1776): “Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Phủ Quảng Nghĩa ở gần biển, ngoài biển về phía Đông Bắc, có nhiều cù lao, các núi⁽²⁰⁾ linh tinh hơn 130 hòn cách nhau bằng biển, từ hòn này sang hòn kia hoặc đi một ngày hoặc vài canh thì đến. Trên núi có chỗ có nước ngọt. Trong đảo có bãi cát vàng, dài ước hơn 30 dặm, bằng phẳng, rộng lớn, nước trong suốt đáy. Trên đảo có vô số tổ yến, các thứ chim có hàng ngàn hàng vạn, thấy người thì đậu vòng quanh không trách, trên bãi vật lạ rất nhiều. Ốc hoa thì có tai voi, to như chiếc chiếu, bụng có hạt to bằng đầu ngón tay, sắc đục không như ngọc trai, cái vỏ có thể đeo làm tấm bài được, lại có thể nung vôi xây nhà; có ốc xà cừ để khảm đồ dùng; lại có ốc hương. Các thứ ốc đều có thể muối và nấu ăn được... Các thuyền ngoại phiên gặp bão thường bị hư hại⁽²¹⁾ ở đảo này...”

⁽¹⁷⁾ Cửa Đại Chiêm nay là cửa Đại, thuộc tỉnh Quảng Nam.

⁽¹⁸⁾ Cửa Sa Vinh nay là cửa Sa Huỳnh, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

⁽¹⁹⁾ Bãi Cát Vàng từ lâu là khu vực có nhiều đá ngầm nguy hiểm ở Biển Đông.

⁽²⁰⁾ Về từ “núi” xin xem chú thích phía trên.

⁽²¹⁾ Trong *Phủ biên tạp lục*, vốn là chữ “hoại”, nghĩa là “hư hại” có bản chép lầm là chữ “ý”, nghĩa là “dựa vào”, nên trong Lê Quý Đôn toàn tập, tập I, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội xuất bản năm 1977 đã dịch là “đậu”.

Đại Nam thực lục tiền biên, Bộ sử về chúa Nguyễn do Quốc sử quán nhà Nguyễn soạn xong năm 1844, có đoạn viết: “Xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Phủ Quảng Nghĩa ở ngoài biển, có hơn 130 bãi cát, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh, kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn Lý Trường Sa. Trên bãi có giếng nước ngọt. Sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vich, v.v...”.

Trong *Đại Nam nhất thống chí* (1882): “Đảo Hoàng Sa: ở phía Đông Cù Lao Ré huyện Bình Sơn, từ bờ biển Sa Kỳ ra khơi thuận gió, ba bốn ngày đêm có thể đến. Ở đó có đến hơn 130 đảo nhỏ, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc vài trống canh. Trong đảo có bãi cát vàng, liên tiếp kéo dài không biết mấy ngàn dặm tục gọi là Vạn Lý Trường Sa. Trên bãi có giếng nước ngọt, chim biển tụ tập không biết cơ man nào. Sản xuất nhiều hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, vich... Hoá vật của các tàu thuyền bị nạn bão trôi giạt ở đây”.

Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, bộ sử về nhà Nguyễn soạn xong năm 1848, sau khi hoàn thành nhiệm vụ đo đạc vẽ bản đồ Hoàng Sa trở về, đội trưởng giám thành Trương Phúc Sĩ đã tâu với Vua Minh Mệnh rằng Hoàng Sa “là những bãi cát giữa biển, man mác không bờ bến”⁽²²⁾.

Các sách khác thời Nguyễn như Lịch triều hiến chương loại chí (1821), Hoàng Việt địa dư chí (1833), Việt sử cương giám khảo lược (1876) cũng mô tả Hoàng Sa một cách tương tự.

Do đặc điểm của Hoàng Sa và Trường Sa là có nhiều hải sản quý lại có nhiều hoá vật của tàu bị đắm như trên đã nói, Nhà nước phong kiến Việt Nam từ lâu đã tổ chức việc khai thác hai quần đảo đó với tư cách một quốc gia làm chủ. Nhiều sách lịch sử và địa lý cổ của Việt Nam đã nói rõ tổ chức, phương thức hoạt động của các đội Hoàng Sa có nhiệm vụ làm việc khai thác đó.

Trong Toàn tập *Thiên Nam tứ chi lộ đồ thư* (thế kỷ XVII): “Họ Nguyễn mỗi năm vào tháng

cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến (Bãi Cát Vàng) lấy hoá vật, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn”.

Trong *Phủ biên tạp lục* (1776): “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng ba nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền tiểu câu⁽²³⁾ ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến các đảo ấy rồi ở lại đó. Tha hồ kiếm lượm, bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hoá vật của tàu, như là gươm ngựa, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì đen, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên cùng là kiếm lượm mai đồi mồi, mai hải ba, hải sâm, hột ốc hoa, rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp. Cân và định hạng xong mới cho đem bán riêng các thứ ốc hoa, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh bằng trở về”. “...Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đó, cho đi thuyền tiểu câu ra các xứ Bắc Hải, Cù Lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm hoá vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản”.

Trong *Đại Nam thực lục tiền biên* (1844): “Hồi đầu dựng nước, đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hàng năm đến tháng 3 đi thuyền ra đảo, độ ba ngày đêm đi đến, thu lượm hoá vật, đến tháng 8 trở về nộp. Lại có độ Bắc Hải mộ dân ở phường Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh đi thuyền ra các vùng Bắc Hải, Côn Lôn thu lượm hoá vật. Đội này cũng do đội Hoàng Sa kiêm quản”.

Kể tiếp các chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn phải liên tiếp đối phó với sự xâm lược của nhà Thanh và của Xiêm, tuy vậy vẫn luôn luôn quan tâm đến việc duy trì và sử dụng các đội Hoàng Sa. Trong số tư liệu còn tìm thấy ngày nay, có thể kể từ sai sau đây để năm 1786 của

⁽²²⁾ Kỳ thứ 2, quyển 122.

⁽²³⁾ Loại thuyền của ngư dân Việt Nam dùng để đánh cá ngoài khơi.

quan Thượng tướng công: “Sai cai Hội Đức Hầu đội Hoàng Sa dẫn bốn chiếc thuyền vượt cầu vượt biển đến thẳng Hoàng Sa và các cù lao trên biển thu lượm đồ vàng bạc, đồ đồng và đại bác, tiểu bác⁽²⁴⁾, đồi mồi, hải ba cùng cá quý mang về kinh đô dâng nộp theo lệ”. Nghĩa là thời Tây Sơn, Nhà nước vẫn tiếp tục tổ chức việc khai thác Hoàng Sa với ý thức thực hiện chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa.

Từ khi nắm chính quyền năm 1802 đến khi ký với Pháp hiệp ước 1884, các vua nhà Nguyễn ra sức củng cố chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đại Nam thực lục chính biên (1848) chép rõ một số việc làm của các vua nhà Nguyễn củng cố chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo như sau:

- Năm 1815, vua Gia Long “cử Phạm Quang Ảnh dẫn đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để khảo sát và đo đạc đường biển”⁽²⁵⁾.

- Năm 1816, vua Gia Long “lệnh cho thủy quân cùng đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa để khảo sát và đo đạc đường biển”⁽²⁶⁾.

- Năm 1833, vua Minh Mệnh chỉ thị cho Bộ Công chuẩn bị thuyền để năm sau sẽ phái tới Hoàng Sa dựng miếu, lập bia, trồng nhiều cây cối⁽²⁷⁾.

- Năm 1834, vua Minh Mệnh cử đội trưởng giám thành Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người ra Hoàng Sa vẽ bản đồ⁽²⁸⁾.

- Năm 1835, vua Minh Mệnh sai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính và thợ giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định chuyên chở vật liệu đến Hoàng Sa dựng miếu. Bên trái miếu dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong⁽²⁹⁾.

- Năm 1836, chuẩn y lời tâu của Bộ Công, vua Minh Mệnh sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền ra Hoàng Sa đo đạc, vẽ bản đồ. Yêu cầu của công việc đo đạc, vẽ bản đồ đã được *Đại Nam thực lục chính biên* ghi lại rất chi tiết: “Không cứ là đảo nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến cũng xem xét xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi, và nước biển xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, binh dị thế nào phải tường tận đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào đường đi tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ biển, đối thẳng là vào tỉnh hạt nào, phương nào, đối chênh chéch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm, nhất nhất nói rõ, đem về dâng trình”⁽³⁰⁾.

Đại Nam thực lục chính biên cũng chép rõ những bài gỗ mà Phạm Hữu Nhật mang theo để làm dấu chủ quyền đối với những nơi đã đến theo lệnh của nhà vua khắc những chữ sau đây: “Năm Minh Mệnh thứ 17, năm Bình Thân (1836), thủy quân chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật vâng lệnh ra Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ”.

Các vua Nguyễn không phải chỉ lo đến chủ quyền và quyền lợi của nước mình ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà còn lo bảo đảm an toàn cho tàu thuyền nước ngoài qua lại vùng biển của hai quần đảo đó. Năm 1833, vua Minh Mệnh bảo Bộ Công rằng: “Trong hải phận Quảng Nghĩa, có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây thuyền buôn thường bị nạn. Nay nên dự bị thuyền mành đến sang năm sẽ phái người tới đó... trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết, có thể tránh được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời”⁽³¹⁾. Đó chính là ý thức trách nhiệm cao của một Nhà nước thật sự làm chủ

⁽²⁴⁾ Chi loại pháo cỡ nhỏ.

⁽²⁵⁾ Quyển 50, ký thứ nhất.

⁽²⁶⁾ Quyển 52, ký thứ nhất.

⁽²⁷⁾ Quyển 104, ký thứ hai.

⁽²⁸⁾ Quyển 122, ký thứ hai.

⁽²⁹⁾ Quyển 154, ký thứ hai.

⁽³⁰⁾ Quyển 165, ký thứ hai.

⁽³¹⁾ Quyển 104, ký thứ hai.

quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đối với hàng hải quốc tế trong khu vực này.

Như vậy, qua các sách lịch sử, địa lý cổ của Việt Nam cũng như chứng cứ của nhiều nhà hàng hải, giáo sĩ phương Tây nói trên, từ lâu và liên tục trong hàng mấy trăm năm từ triều đại này đến triều đại khác, Nhà nước Việt Nam đã làm chủ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sự có mặt đều đặn của các đội Hoàng Sa do Nhà nước thành lập trên hai quần đảo đó mỗi năm từ 5 đến 6 tháng để hoàn thành một nhiệm vụ do Nhà nước giao tự nó đã là một bằng chứng đanh thép về việc Nhà nước Việt Nam thực hiện chủ quyền của mình đối với hai quần đảo đó. Việc chiếm hữu và khai thác đó của Nhà nước Việt Nam không bao giờ gặp phải sự phản đối của một quốc gia nào khác, kể cả Trung Quốc. Điều đó càng chứng tỏ từ lâu quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa đã là lãnh thổ Việt Nam.

2. Chứng cứ minh chứng cho việc nước Pháp nhân danh Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa⁽³²⁾

Từ khi ký với triều đình nhà Nguyễn Hiệp ước ngày 06/6/1884, Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại và việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Trong khuôn khổ sự cam kết chung đó, Pháp đại diện cho Việt Nam, tiếp tục thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Sau đây là một số minh chứng cụ thể:

Các pháo hạm của Pháp thường xuyên tiến hành tuần tiễu trong vùng Biển Đông kể cả Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đề nghị với Paris xây tại đảo Hoàng Sa (Pattle) trong quần đảo Hoàng Sa một cây đèn

biển để hướng dẫn các tàu biển qua lại vùng này, nhưng kế hoạch không thực hiện được vì thiếu ngân sách.

Từ năm 1920, các tàu hải quan Đông Dương tăng cường tuần tiễu ở vùng Hoàng Sa để ngăn chặn buôn lậu.

Năm 1925, Viện Hải dương học Nha Trang cử tàu De Lanessan ra khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về hải dương học. Ngoài A.Krempf, giám đốc Viện hải dương học, còn có các nhà khoa học khác như Delacour, Jabouille... nghiên cứu về địa chất, về sinh vật... Ngày 3/3/1925, Thượng thư Bộ Binh của Triều đình Huế Thận Trọng Huế lại khẳng định Hoàng Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1927, tàu De Lanessan ra khảo sát khoa học quần đảo Trường Sa.

Năm 1929, phái đoàn Perrier - De Rouville đề nghị đặt 4 cây đèn biển ở 4 góc của quần đảo Hoàng Sa (đảo Tri Tôn, đảo Đá Bắc, đảo Linh Côn, bãi Bom Bay).

Năm 1930, tàu thông báo La Malicieuse tới quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 3/1931, tàu Inconstant ra quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 6/1931, tàu De Lanessan ra quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 5/1932, pháo hạm Alerte ra quần đảo Hoàng Sa.

Từ 13/4/1930 đến 12/4/1933, chính phủ Pháp đã cử các đơn vị hải quân lần lượt ra đóng các đảo chính trong quần đảo Trường Sa: Trường Sa (Spratley), An Bang (Caye d'Amboine), Itu Aba, nhóm Song Tử (groupe des deux iles)⁽³³⁾, Loại Ta, Thị Tứ.

Ngày 21/12/1933, thống đốc Nam Kỳ M.j.Krautheimer ký Nghị định sát nhập các đảo Trường Sa, An Bang, Itu Aba, nhóm Song Tử, Loại Ta và Thị Tứ vào địa phận tỉnh Bà Rịa⁽³⁴⁾.

Năm 1937, nhà đương cục Pháp của kỹ sư công chính Ganthier ra quần đảo Hoàng Sa

⁽³²⁾ Xem thêm: Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Sách trắng, Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa Bộ phận lãnh thổ của Việt Nam* năm 1979, 1981.

⁽³³⁾ Tức là đảo Song Tử Tây và đảo Song Tử Đông.

⁽³⁴⁾ Các đảo này nay thuộc tỉnh Khánh Hòa.

ngiên cứu chỗ xây dựng đèn biển, lập bãi thủy phi cơ.

Tháng 2/1937, tuần dương hạm Lamotle Piquet do phó đô đốc Istava chỉ huy thăm quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 30/3/1938, vua Bảo Đại ký Dụ tách quần đảo Hoàng Sa khỏi địa hạt tỉnh Nam Nghĩa đặt vào tỉnh Thừa Thiên⁽³⁵⁾

Ngày 15/6/1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định thành lập một đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1938, chính quyền Pháp dựng bia chủ quyền, xây dựng xong đèn biển, trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Hoàng Sa, trong quần đảo Hoàng Sa, xây dựng trạm khí tượng, đài vô tuyến điện ở đảo Itu Aba trong quần đảo Trường Sa.

Ngày 5/5/1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định sửa đổi Nghị định ngày 15/6/1938 nói trên và thành lập tại quần đảo Hoàng Sa hai cơ quan đại ký “Croissant và các đảo phụ thuộc”, “Amphitrite và các đảo phụ thuộc”.

Suốt trong thời gian đại diện Việt Nam về mặt đối ngoại, Pháp luôn luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và phản kháng những hành động xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam ở hai quần đảo đó như:

Ngày 4/12/1931 và ngày 24/4/1932, Pháp phản kháng Chính phủ Trung Quốc về việc chính quyền Quảng Đông lúc đó có ý định cho đầu thầu khai thác phân chim trên quần đảo Hoàng Sa. Ngày 24/7/1933, Pháp thông báo cho Nhật việc Pháp đưa quân ra đóng các đảo chính trong quần đảo Trường Sa, Nhật đã phản kháng nhưng Pháp đã bác bỏ sự phản kháng đó của Nhật. Ngày 4/4/1939, Pháp phản kháng Nhật đặt một số đảo trong quần đảo Trường Sa thuộc quyền tài phán của Nhật.

3. Việc bảo vệ và thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ II còn đang tiếp diễn, ngày 27/11/1943 tại Hội nghị Cairo (Ai Cập), ba cường quốc đồng minh đại diện bởi Tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt, Thủ tướng Anh Churchill và Tổng thống Trung Hoa Dân quốc Tưởng Giới Thạch đã ký Tuyên cáo Cairo, theo đó: “Phải tước bỏ quyền của Nhật Bản trên tất cả các hải đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật Bản đã cưỡng đoạt hay chiếm đóng từ đầu Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và trả lại Trung Hoa Dân quốc tất cả các lãnh thổ đã bị Nhật Bản cướp của Trung Hoa, như Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ, và trục xuất Nhật Bản khỏi tất cả các lãnh thổ khác mà Nhật chiếm được bằng vũ lực”⁽³⁶⁾. Như vậy, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không hề được đề cập đến trong điều ước quốc tế quan trọng này, cũng không thể được giao cho Trung Quốc và do đó càng chứng tỏ hai quần đảo này là thuộc chủ quyền của Việt Nam. Điều đáng lưu ý, Trung Quốc là một bên tham gia bản Tuyên cáo và đích thân Tổng thống Tưởng Giới Thạch đã có mặt tại các cuộc hội đàm kéo dài nhiều ngày ở Hội nghị Cairo nhưng không hề có sự đề cập đến việc chuyển giao hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc.

Năm 1931, Nhật Bản xâm chiếm Mãn Châu với ý đồ thành lập Nhà nước Mãn Châu. Trước đó, trong Chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895), đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ cũng bị Nhật Bản chiếm cứ bằng vũ lực. Vì vậy, trong Tuyên Cáo Cairo năm 1943, Tổng thống Roosevelt và Thủ tướng Churchill tán thành đề nghị của Tổng thống Tưởng Giới Thạch về việc Đồng Minh sẽ bàn giao Mãn Châu, Đài Loan và

⁽³⁶⁾ Foreign Relations of the United States, Diplomatic Paper: The Conferences at Cairo and Teheran 1943, Washington D.C, United States, G.P.O, 1961, pp. 448-449; Lazar Focsaneanu: “Các hiệp ước hòa bình của Nhật Bản”, Niên giám luật quốc tế của Pháp, 1960, tr. 256.

⁽³⁵⁾ Tỉnh Thừa Thiên nay là tỉnh Thừa Thiên Huế.

quần đảo Bành Hồ cho Trung Quốc khi chiến tranh kết thúc.

Tại Biển Đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam cũng đã bị Nhật Bản chiếm cứ bằng vũ lực khi bắt đầu Chiến tranh Thế giới thứ II. Năm 1938, Nhật Bản chiếm 03 (ba) đảo tại Hoàng Sa là Phú Lâm, Lincoln và Hữu Nhật (Robert). Năm 1939, Nhật Bản ngang ngược công bố chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa và đổi tên Hoàng Sa thành Hirata Gunto, Trường Sa thành Shinnan Gunto.

Theo pháp luật quốc tế hiện đại, Tuyên cáo Cairo năm 1943 là một điều ước quốc tế không những xác lập quyền mà còn ấn định nghĩa vụ quốc tế có giá trị ràng buộc các quốc gia hữu quan. Vì vậy, với tư cách là một bên tham gia điều ước quốc tế, Trung Quốc - dù là Trung Hoa Dân quốc hay Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (quốc gia kế thừa) - đều có nghĩa vụ tuân thủ cam kết quốc tế này. Ngay thời gian sau đó, cả hai phía Trung Hoa Dân quốc và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều thừa nhận giá trị pháp lý của bản Tuyên cáo này. Ví dụ, ngày 04/12/1950, Chu Ân Lai - lúc này là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - đã tuyên bố tán thành Bản Tuyên cáo Cairo năm 1943 là “văn kiện lịch sử quốc tế mà Hoa Kỳ, Anh Quốc và Trung Quốc đã ký kết để làm cơ sở Hiệp ước San Francisco ngày 8/9/1951”. Ngày 8/02/1955, mười hai năm sau khi ký Tuyên cáo Cairo, Tổng thống Trung Hoa Dân quốc Tưởng Giới Thạch cũng đã thừa nhận giá trị của Tuyên cáo Cairo và Tuyên ngôn Potsdam là: “Tôi còn nhớ năm 1943, cố Tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt và Thủ tướng Anh Churchill đã cùng tôi họp Hội nghị Cairo để thảo luận về những vấn đề liên quan đến việc tiến hành cuộc chiến tranh chống Nhật. Trong bản Tuyên cáo công bố vào ngày bế mạc Hội nghị (27/11/1943), chúng tôi loan báo rằng tất cả các lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc, kể cả Đông Bắc Tỉnh (Mãn Châu), Đài Loan và Bành Hồ, phải được giao hoàn cho Trung Quốc. Bản Tuyên cáo này đã được Bản Tuyên bố Potsdam ngày 26/7/1945 thừa nhận và được Nhật Bản chấp nhận thi hành khi đầu

hàng. Như vậy, giá trị Tuyên cáo Cairo đã được xác lập trên cơ sở những thỏa thuận không ai có thể phủ nhận được”⁽³⁷⁾.

Tuyên cáo Cairo ngày 27/11/1943 cũng đã được đại diện Liên Xô tán thành tại Hội nghị Teheran ngày 30/11/1943 giữa Tổng thống Roosevelt, Thủ tướng Churchill và Nguyên soái Stalin. Trong phiên Hội nghị này, Stalin cho biết ông đã đọc Tuyên cáo Cairo với đầy đủ nội dung của nó và cho rằng việc giao hoàn Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ cho Trung Quốc là hợp lý. Tuy nhiên, Stalin cũng không hề đề cập đến việc đến chuyển giao quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc⁽³⁸⁾. Theo luật gia người Pháp GS.Monique Chemillier-Gedreau: “Việc không nói tới các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong Tuyên cáo Cairo năm 1943 thật là đặc biệt. Nó không thể là kết quả của một sự tình cờ. Không có một bảo lưu cũng như một tuyên bố riêng rẽ nào của Trung Quốc về vấn đề các lãnh thổ này”⁽³⁹⁾.

Sau khi Đức Quốc xã đầu hàng Đồng Minh, tháng 7 năm 1945, các nước Mỹ, Anh và Liên Xô tổ chức Hội nghị Potsdam (tại Đức) để thảo luận về những biện pháp chế tài áp dụng cho nước Đức và về tương lai chính trị của các nước Đông Âu và Trung Âu sau Thế chiến thứ II. Hội nghị diễn ra từ ngày 16/7/1945 đến ngày 02/8/1945. Tại Hội nghị này, hai văn bản pháp lý quốc tế quan trọng đã được ký kết: Hiệp định Potsdam ngày 02/8/1945 được ký bởi đại diện của 03 cường quốc phe Đồng Minh là Liên Xô, Anh, Mỹ, cùng với bản Tuyên bố Potsdam ngày 26/7/1945 được ký bởi Winston Churchill, Harry Truman và Tướng Giới Thạch. Bản Tuyên bố Potsdam đã yêu cầu Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện và gián tiếp ấn định thể thức giải giáp quân đội Nhật Bản tại Thái Bình

⁽³⁷⁾ Review of International Situation, China Publishing Co, Taipei 1956, pp 22-23.

⁽³⁸⁾ The Conferences at Cairo and Tehran 1943, The Foreign Relations of the United States, Washington D.C, 1961.

⁽³⁹⁾ Monique Chemillier- Gendreau, *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.136.

Dương. Đề giải giáp quân đội Nhật, Đồng Minh quyết định chia Việt Nam thành hai khu vực, lấy vĩ tuyến 16 làm mốc: quân đội Trung Hoa Dân quốc có nghĩa vụ giải giáp và hồi hương quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 Bắc, còn quân đội Anh được ủy nhiệm giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 vào Nam. Theo quyết định của Hội nghị Potsdam⁽⁴⁰⁾, Trung Quốc có nghĩa vụ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 ra Bắc bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa (tọa lạc từ vĩ tuyến 16, như nhóm Lưỡi Liềm (Crescent Group) phía tây nam tại vĩ độ 16°30 và Nhóm An Vĩnh (Amphitrite Group) phía đông bắc tại vĩ độ 16°50); còn quân đội Anh có nghĩa vụ giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 vào Nam, bao gồm cả tại quần đảo Trường Sa. Cần lưu ý rằng, việc giải giáp quân sự theo pháp luật quốc tế không thể là sự tiếp thu hay chiếm hữu lãnh thổ. Vì vậy, hiển nhiên cả Anh và Trung Quốc đều không thể có chủ quyền lãnh thổ tại Trường Sa và Hoàng Sa thông qua hành vi giải giáp quân sự được các nước Đồng Minh ủy quyền.

Sự kiện này càng chứng tỏ rằng, khác với Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ, các nước Đồng Minh không thừa nhận Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc, và như vậy đã gián tiếp khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 14-10-1950, chính phủ Pháp chính thức trao lại cho chính quyền Bảo Đại việc quản lý hai vùng đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 8-9-1951, sáu năm sau khi thành lập Liên hợp quốc (tháng 6 năm 1945), 48 quốc gia Đồng Minh lại nhóm họp tại San Fransisco để ký Hiệp ước San Fransisco nổi tiếng với Nhật Bản, nhằm chấm dứt tình trạng chiến tranh, phục hồi và tái thiết Nhật Bản, văn hòa bình thế giới trong tinh thần hòa giải, hợp tác và hữu

ngợi theo mục đích và tôn chỉ của Hiến chương Liên hợp quốc.

Theo Điều 2 của Hiệp ước, Nhật Bản khước từ chủ quyền tại đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ và một số lãnh thổ trong đó có các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Khi Nhật Bản tuyên bố khước từ chủ quyền lãnh thổ về Hoàng Sa và Trường Sa tại Hội nghị San Francisco năm 1951, các quốc gia tham dự Hội nghị đã phủ nhận chủ quyền của Trung Quốc và mặc nhiên nhìn nhận chủ quyền của Việt Nam tại hai quần đảo này. Ngày 5-9-1951, trong phiên họp toàn thể, theo đề nghị của đại diện Liên Xô (Ngoại trưởng Andrei Gromyko), một tu chính án đã được đưa ra yêu cầu Hội nghị trao một loạt lãnh thổ, trong đó có các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa (Nam Sa và Tây Sa) cho Trung Quốc. Nhưng tu chính án này đã bị Hội nghị bác bỏ với 46 phiếu chống, 03 phiếu thuận (Ba Lan, Tiệp Khắc và Liên Xô) và 01 phiếu trắng⁽⁴¹⁾.

Ngày 07-9-1951, trong phiên họp toàn thể lần thứ 7 của Hội nghị San Fransisco, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu, Trưởng Phái đoàn Việt Nam đã tuyên bố chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam: “...*để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa*”. Tuyên bố đó không gặp sự chống đối hoặc bảo lưu nào của đại diện 51 quốc gia tham dự Hội nghị (kể cả Liên Xô).

Như vậy, sự công bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa trước 50 quốc gia hội viên thành lập Liên hợp quốc tại Hội nghị San Francisco năm 1951 chứng tỏ rằng các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được các quốc gia trên thế giới thừa nhận là thuộc chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam. Việc

⁽⁴⁰⁾ Xem: Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.424; Lưu Văn Lợi, *Cuộc tranh chấp Việt - Trung về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.80

⁽⁴¹⁾ Monique Chemillier - Gendreau, *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.137.

92% các quốc gia Đồng Minh hội viên Liên hợp quốc thừa nhận chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có giá trị pháp lý quốc tế bắt buộc⁽⁴¹⁾.

Một minh chứng nữa là khi ký một điều ước quốc tế với Nhật ngày 28/4/1952, Trung Hoa Dân quốc đã ghi nhận việc từ bỏ mọi quyền của Nhật đối với các đảo, nhưng lại không đưa vào Hiệp ước song phương này bất kỳ điều khoản nào về sự quy thuộc của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo luật gia người Pháp GS.Monique Chemillier - Gendreau, “chính các điều khoản của các hòa ước với Nhật Bản (tập thể hay riêng rẽ), các tuyên bố nêu trong đó hay làm nguồn gốc cho các hiệp ước đó, cho thấy sau năm 1949, Trung Hoa Dân quốc là nước bảo đảm sự liên tục của Chính phủ Trung Quốc duy nhất trước đó, đã không khẳng định bất kỳ yêu sách nào trên các quần đảo trong dịp có Bản Tuyên cáo Cairo và đã thừa nhận song phương sự từ bỏ của Nhật Bản mà không đưa ra yêu sách của chính mình” đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa... cho phép kết luận là Trung Hoa Dân quốc khi đó đã từ bỏ việc khẳng định các quyền của mình đối với các hòn đảo tranh chấp”⁽⁴²⁾.

Ba năm sau Hội Nghị San Francisco 1951, Hội Nghị Geneva 1954 với sự tham dự của 09 quốc gia, gồm 05 cường quốc: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc đã minh thị xác nhận chủ quyền của Việt Nam tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại Hiệp định Geneva ký ngày 21/7/1954.

Trên thực tế, khi trở lại Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ hai, trong vùng chiếm đóng của mình, nhà cầm quyền Pháp đã phái chiến hạm ra quần đảo Hoàng Sa, xây dựng lại trạm khí tượng trên đảo Hoàng Sa và chống lại các hành động lấn chiếm của Trung Quốc. Năm 1953, tàu Ingenieur en elef Girod của Pháp

khảo sát ở quần đảo Hoàng Sa về hải dương, địa chất, địa lý, môi sinh.

Chính phủ Sài Gòn, sau đó là cả Chính phủ Sài Gòn và chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, cũng đều thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa⁽⁴³⁾.

Dưới đây là một số minh chứng cụ thể:

Tháng 4 năm 1956, khi Pháp rút quân khỏi Đông Dương kể cả ở Hoàng Sa và Trường Sa, chính quyền Sài Gòn tiếp quản các quần đảo Trường Sa và nhóm đảo phía Tây quần đảo Hoàng Sa (nhóm đảo Lưỡi Liềm- Nguyệt Thiềm). Còn nhóm đảo phía Đông Hoàng Sa (nhóm An Vĩnh), do phía Việt Nam chưa kịp ra tiếp quản, đã bị quân đội Trung Quốc chiếm đóng.

Ngày 8/6/1956, Bộ trưởng Ngoại giao Sài Gòn ra tuyên bố chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1956, Sở Hàm mỏ, kỹ nghệ và tiêu công nghiệp miền Nam tổ chức một cuộc khảo sát với sự giúp đỡ của hải quân Chính quyền Sài Gòn trên 04 đảo: Hoàng Sa (Pattle), Quang Ảnh (Money), Hữu Nhật (Robert), Duy Mộng (Drumond).

Ngày 22/10/1956, Chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy.

Ngày 13/7/1961, Chính quyền Sài Gòn đặt quần đảo Hoàng Sa, trước kia thuộc tỉnh Thừa Thiên, vào tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã lấy tên là xã Định Hải, trực thuộc quận Hòa Vang và đặt dưới quyền một phái viên hành chính.

Từ 1961 đến 1963, chính quyền Sài Gòn lần lượt cho xây bia chủ quyền ở các đảo chính của quần đảo Trường Sa: Trường Sa, An Bang, Song Tử Tây, Song Tử Đông, Thị Tứ, Loại Ta.

⁽⁴¹⁾ Conference for the Conclusion and Signature of the Peace Treaty with Japan, U. N. Treaty Series, Volume 136, p. 46.

⁽⁴²⁾ Monique Chemillier-Gendreau, tldd.

⁽⁴³⁾ Xem thêm: Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Sách trắng, Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa Bộ phận lãnh thổ của Việt Nam* các năm 1979, 1981.

Ngày 21/10/1969, chính quyền Sài Gòn sát nhập xã Định Hải vào xã Hòa Long cũng thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

Tháng 7/1973, Viện Khảo cứu nông nghiệp thuộc Bộ phát triển nông nghiệp và điền địa Sài Gòn tiến hành khảo sát Nam Ai (Nam Yit) thuộc quần đảo Trường Sa.

Tháng 8/1973, với sự hợp tác của Công ty Nhật Maruben Corporation, Bộ Kế hoạch và phát triển quốc gia Sài Gòn tiến hành khảo sát phốt phát ở quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 6/9/1973, Chính quyền Sài Gòn sáp nhập các đảo Trường Sa, An Bang, Itu Aba, Song Tử Đông, Song Tử Tây, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Ai, Sinh Tồn và các đảo phụ cận vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Có ý thức về chủ quyền từ lâu đời của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, các chính quyền miền Nam Việt Nam đều bảo vệ chủ quyền đó mỗi khi có nước ngoài biểu thị ý đồ tranh giành hay xâm chiếm đảo nào đó trong hai quần đảo.

Ngày 16/6/1956, khi Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Đài Loan và Cộng hòa Phi-líp-pin đều nhận quần đảo Trường Sa là của họ, Bộ trưởng Ngoại giao chính quyền Sài Gòn tuyên bố một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo đó.

Ngày 22/02/1959, Chính quyền Sài Gòn bắt giữ một thời gian 82 người dân Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đổ bộ lên các đảo Hữu Nhật, Duy Mộng và Quang Hòa trong quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 20/4/1971, Chính quyền Sài Gòn khẳng định một lần nữa quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam, đáp lại đòi hỏi về chủ quyền của Ma-lay-xi-a đối với một số đảo trong quần đảo đó.

Nhân lời tuyên bố của Tổng thống Phi-líp-pin về quần đảo Trường Sa, trong cuộc họp báo ngày 10/7/1971, Ngoại trưởng chính quyền Sài Gòn ngày 13/7/1971 khẳng định một lần nữa chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo đó.

Tháng 1 năm 1974, khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa dùng lực lượng quân sự xâm chiếm

nhóm đảo phía Tây nam của quần đảo Hoàng Sa, ngày 19/1/1974 chính quyền Sài Gòn đã tuyên bố lên án Cộng hòa nhân dân Trung Hoa xâm phạm toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Tiếp đó, ngày 14/2/1974 Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã ra tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam. Đồng thời, ngày 26/1/1974, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam cũng đã tuyên bố lập trường ba điểm về việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ. Ngày 28/6/1974, đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tuyên bố tại khóa họp thứ nhất Hội nghị luật biển lần thứ 3 ở Caracas rằng quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là của Việt Nam. Ngày 5 và 6/5/1975, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thông báo việc giải phóng các đảo ở quần đảo Trường Sa do quân đội Sài Gòn đóng giữ. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 9/1975, Đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị khí tượng ở Colombo tuyên bố quần đảo Hoàng Sa là của Việt Nam và yêu cầu Tổ chức khí tượng thế giới tiếp tục ghi tên trạm khí tượng Hoàng Sa của Việt Nam (trước đây đã được đăng ký trong hệ thống các trạm của OMM dưới biểu số 48.860) trong danh mục trạm khí tượng của Tổ chức khí tượng thế giới.

Sau khi nước Việt Nam thống nhất năm 1976, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nhiều lần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong các công hàm gửi các bên có liên quan, trong cuộc đàm phán cấp Thứ Trưởng Ngoại giao ở Bắc Kinh bắt đầu tháng 10/1977, trong các tuyên bố của Bộ Ngoại giao, trong các Hội nghị của tổ chức khí tượng thế giới Giơ ne vơ (tháng 6-1980), của Đại hội địa chất thế giới ở Paris (tháng 7 năm 1980), v.v...

Mặc dù quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc chiếm đóng trái phép hoàn toàn từ năm

1974, nhưng Việt Nam vẫn không ngừng các hoạt động nhằm xác định chủ quyền của mình đối với Hoàng Sa.

Từ năm 1976, Nhà nước Việt Nam thống nhất dưới tên gọi mới Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với tư cách kế thừa quyền sở hữu các quần đảo từ các chính quyền trước, có trách nhiệm duy trì việc bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 12/5/1977, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam đã khẳng định rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Tháng 10/1978, trong chuyến thăm chính thức Ma-lay-xi-a, Thủ tướng Phạm Đồng đã khẳng định: “Quần đảo Trường Sa, trong đó có đảo An Bang là thuộc chủ quyền của Việt Nam; nếu có tranh chấp và hiểu lầm nào đó liên quan giữa hai nước sẽ được giải quyết thông qua thương lượng”.

Ngày 20/9/1978, trong chuyến viếng thăm chính thức Cộng hòa Phi-líp-pin, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và thỏa thuận với Tổng thống Ferdinand Marcos rằng hai nước sẽ giải quyết mọi bất đồng thông qua thương lượng.

Ngày 15/3/1979, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố Bị vong lục về vấn đề biên giới Việt Nam - Trung Quốc, trong đó tố cáo việc Trung Quốc dùng vũ lực xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam ngày vào tháng 1/1974.

Ngày 28/9/1979 công bố Sách Trắng (Bạch Thư) giới thiệu nhiều tài liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 28/9/1979, Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối việc Phi-líp-pin sáp nhập hầu hết quần đảo Trường Sa vào lãnh thổ Phi-líp-pin.

Ngày 29/4/1980, Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi Công hàm cho Ma-lay-xi-a phản đối về việc

xuất bản một bản đồ vẽ ranh giới lãnh hải của Ma-lay-xi-a lấn vào vùng biển phía Nam của quần đảo Trường Sa trong đó có đảo An Bang, Thuyền Chài do quân đội nhân dân Việt Nam đang đóng giữ và các đảo Công Đo do Phi-líp-pin đang chiếm giữ trái phép (khu vực này rộng khoảng 4,4 km². Ngày 08/5/1980, nhân chuyến thăm và hội đàm với Ma-lay-xi-a, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch đã khẳng định đảo An Bang là của Việt Nam.

Tháng 7/1980, quân đội Phi-líp-pin mở cuộc hành quân Polaris-I chiếm đóng thêm một đảo ở phía Nam là đảo Công Đo (Commodore Reef) mà họ gọi là đảo Rizal nằm cách hòn đảo gần nhất mà họ chiếm đóng trái phép trước đây 150 hải lý. Ngày 26/7 và 11/8/1980, Chính phủ Việt Nam gửi Công hàm phản đối hành động nói trên của Phi-líp-pin.

Ngày 29/6/1981, Ủy Ban nhân dân đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo đã ra Quyết định số 359-QĐ/UB - ĐK xử lý vụ 15 thủy thủ quốc tịch Đài Loan xâm phạm trái phép vùng quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Tháng 12/1981, Bộ Ngoại giao Việt Nam tiếp tục công bố Sách Trắng Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam. Các tài liệu này đã chứng minh một cách rõ ràng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo trên tất cả các khía cạnh: lịch sử, pháp lý và thực tiễn quốc tế.

Ngày 21/2/1982, người phát ngôn nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố phản đối chính quyền Đài Loan tự ý đặt quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới quyền tài phán của mình.

Ngày 9/12/1982, xuất phát từ nhu cầu quản lý hành chính cũng như để xác lập chủ quyền đối với Hoàng Sa, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193-HĐBT thành lập huyện Trường Sa, bao gồm toàn bộ quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Đồng Nai,⁽⁴⁴⁾ (nay thuộc tỉnh Khánh

⁽⁴⁴⁾ Đến ngày 28/12/1982, huyện Trường Sa được chuyển sang tỉnh Phú Khánh. Sau khi chia tách tỉnh Phú Khánh

Hòa). Cùng thời điểm trên, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 194 - HĐBT thành lập huyện đảo Hoàng Sa, bao gồm các đảo của quần đảo Hoàng Sa, trực thuộc tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng⁽⁴⁵⁾.

Ngày 21/02/1982, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố phản đối chính quyền Đài Loan tự ý đặt quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới quyền tài phán của mình.

Ngày 06/5/1983, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam ra Tuyên bố phản đối việc ngày 25/4/1983 Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đặt tên Trung Quốc cho các đảo, đá, bãi cạn thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 15/4/1984, Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối Ma-lay-xi-a chiếm đóng trái phép đảo Hoa Lau trong quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Ngày 02/6/1984, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra Tuyên bố lên án Trung Quốc sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vào địa phận tỉnh Hải Nam, Trung Quốc.

Tháng 12/1986, Ma-lay-xi-a lại tổ chức một cuộc hành quân ra chiếm đóng trái phép Đá Kỳ Vân (Mariveles Reef) và Đá Kiệu Ngựa (Ardasier Reef) mà họ gọi là Terumbu Mantanani và Terumbu Ubi ở phía Bắc Đá Hoa Lau. Bộ Ngoại giao Việt Nam đã phản đối hành động này của Ma-lay-xi-a.

Ngày 16/4/1987, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

trước Tuyên bố ngày 15/01/1987 của Bộ Ngoại giao Trung Quốc về chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Nam Sa (tức Trường Sa). Cùng ngày, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã Tuyên bố lên án Trung Quốc đã liên tiếp đưa tàu biển đến khảo sát, tiến hành các hoạt động bất hợp pháp ở quần đảo Trường Sa, đặc biệt là Trung Quốc đã tổ chức tập trận ở quần đảo Trường Sa từ ngày 16/5 đến ngày 06/6/1987.

Ngày 20/02/1988, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã Tuyên bố tố cáo nhiều tàu chiến Trung Quốc vi phạm lãnh hải Việt Nam ở ngoài khơi của quần đảo Trường Sa của Việt Nam, lên án các hoạt động quân sự của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa là đe dọa nền an ninh của Việt Nam và của các nước láng giềng trong khu vực.

Ngày 14/3/1988, trước việc Trung Quốc ngang ngược dùng vũ lực tấn công và xâm chiếm Đá Chữ Thập và Đá Gaven cùng một số đá chìm và bãi ngầm trong quần đảo Trường Sa của Việt Nam, gây hư hại nhiều tàu thuyền, bắn chết và làm mất tích gần 100 công dân Việt Nam, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra Tuyên bố lên án Trung Quốc gây xung đột vũ trang và chiếm đoạt một số bãi đá ngầm tại Trường Sa của Việt Nam, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế.

Năm 1992, Trung Quốc lại dùng vũ lực xâm chiếm Bãi Vạn An và một số đảo nhỏ trên thềm lục địa của Việt Nam, phía đông các Bãi Thanh Long và Tư Chính.

Những vụ xâm chiếm này rõ ràng không những đã xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam mà còn vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại, như: nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế, nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế, nguyên tắc các quốc gia phải có nghĩa vụ hợp tác với nhau, v.v... Những nguyên tắc này đã được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên bố ngày 24-10-1970 của Liên hợp quốc, Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và trong

(30/6/1989), huyện Trường Sa trực thuộc tỉnh Khánh Hòa. Theo Nghị định số 65/2007/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam được ban hành vào tháng 4 năm 2007, huyện Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa) có 3 đơn vị hành chính trực thuộc gồm thị trấn Trường Sa và các xã Song Tử Tây, Sinh Tồn. Thị trấn Trường Sa được thành lập trên cơ sở đảo Trường Sa lớn và các đảo, đá, bãi phụ cận. Xã Song Tử Tây được thành lập trên cơ sở đảo Song Tử Tây và các đảo, đá, bãi phụ cận. Xã Sinh Tồn được thành lập trên cơ sở đảo Sinh Tồn và các đảo, đá, bãi phụ cận.

⁽⁴⁵⁾ Ngày 6/11/1996, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa 10) ra Nghị quyết tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Do đó, huyện đảo Hoàng Sa nay thuộc thành phố Đà Nẵng.

hàng loạt điều ước quốc tế đa phương và song phương, khu vực và toàn cầu.

Ngày 23/6/1994, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc. Việt Nam là nước thứ 63 phê chuẩn Công ước này thông qua nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 23/6/1994 và nộp lưu chiểu văn bản phê chuẩn vào ngày 25/7/1994. Trước và sau khi phê chuẩn Công ước 1982, phần lớn các quy định của Công ước Luật biển năm 1982 đã được Việt Nam vận dụng làm cơ sở cho việc ban hành và thực thi các văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh các hoạt động trên biển của mình. Quốc hội nhấn mạnh: cần phân biệt vấn đề giải quyết tranh chấp về quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa với vấn đề bảo vệ các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam căn cứ vào những nguyên tắc và những tiêu chuẩn của Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

Ngày 15/5/1996, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc phê chuẩn Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc.

Ngày 16/01/2005, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã yêu cầu phía Trung Quốc có các biện pháp nhằm ngăn chặn và chấm dứt ngay những hành động sai trái tương tự, cho điều tra và xử lý nghiêm những kẻ đã bắn chết người về sự kiện ngày 08 /01/2005 tàu nổ súng vào tàu đánh cá Việt Nam làm 09 ngư dân tỉnh Thanh Hóa bị thương.

Ngày 24/11/2007, Việt Nam cũng phản đối việc Trung Quốc tiến hành tập trận trong vùng quần đảo Hoàng Sa từ ngày 16 đến 23/11/2007 và coi đây là hành động vi phạm chủ quyền. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam cho rằng, việc này không phù hợp với tinh thần cuộc gặp mới đây giữa hai thủ tướng Việt Nam và Trung Quốc bên lề Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 13 tại Xing-ga-po.

Ngày 03/12/2007, Việt Nam đã lên tiếng cực lực phản đối hành vi của Quốc Vụ viện Trung Quốc phê chuẩn việc lập thành phố Tam

Sa để quản lý các đảo gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Trước diễn biến này, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố: Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo nói trên.

Ngày 12/3/2009, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra Tuyên bố phản đối việc Trung Quốc cho phép Công ty Trách nhiệm hữu hạn du lịch quốc tế Châu Giang, Hải Nam của nước này mở tour du lịch ra đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Theo người phát ngôn Bộ Ngoại giao, Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo này và nhấn mạnh: *"Việc này đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam, không có lợi cho tiến trình đàm phán tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài cho vấn đề trên biển giữa hai bên"*.

Ngày 08/5/2009, phái đoàn thường trực Việt Nam tại Liên hợp quốc đã có Công hàm số 86/HC-2009 gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc bác bỏ Công hàm ngày 7/5/2009 và yêu sách đường lưỡi bò của Trung Quốc tại Biển Đông. Cùng ngày, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam cũng đã trả lời phỏng vấn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và coi đường yêu sách 09 đoạn của Trung Quốc thể hiện trên sơ đồ là "không có giá trị vì không có cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tiễn".

Ngày 16/5/2009, phản ứng của Việt Nam trước việc Lệnh cấm đánh bắt cá của Trung Quốc từ ngày 16/5 đến ngày 1/8/2009 tại một số vùng biển trong đó có những khu vực thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố: *"Việt Nam khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Mọi hành động của nước ngoài đối với hai quần đảo này cũng như trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam mà không có sự đồng ý của Việt Nam đều là vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với các khu vực này"*.

Ngày 8/7/2010, Phái đoàn thường trực của nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a tại Liên hợp quốc đã gửi công hàm số 480/POL-703/VII/10 cho Tổng thư ký Liên hợp quốc để phản đối tấm bản đồ yêu sách hình chữ U (hay còn gọi là đường đứt khúc 9 đoạn) kèm theo Công hàm số CML/17/2009 ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Phái đoàn thường trực của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 5/4/2011, Phái đoàn thường trực của Phi-líp-pin tại Liên hợp quốc đã gửi Công hàm về những vấn đề liên quan trong Công hàm số CML/17/2009 và CML/18/2009 ngày 7/5/2009 của Phái đoàn thường trực CHND Trung Hoa và tấm bản đồ đính kèm thể hiện đường đứt khúc 9 đoạn (đường lưỡi bò) ở Biển Đông. Phái đoàn Phi-líp-pin “không thể đồng tình với lời khẳng định trong các Công hàm nêu trên “*đối với chủ quyền không thể tranh cãi của Trung Quốc trên các đảo trong Biển Nam Trung Hoa và các vùng nước kế cận, cũng như các quyền chủ quyền và tài phán đối với các vùng nước, vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của chúng..*” và “*được quốc tế biết đến rộng rãi*”.

Ngày 14/4/2011, Phái đoàn thường trực của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại Liên hợp quốc đã gửi Công hàm tới Tổng Thư ký Liên hợp quốc phản đối Công hàm số 000228 ngày 5/4/2011 của Phi-líp-pin. Trước đó ngày 10/4/2011, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc cho rằng Công hàm của Phi-líp-pin là không thể chấp nhận.

Ngày 26/5/2011, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam tuyên bố ba tàu hải giám của Trung Quốc xâm nhập lãnh hải của Việt Nam, phá hoại thiết bị và cản trở tàu khảo sát địa chấn Bình Minh 02 của Tập đoàn đang hoạt động tại vùng biển miền Trung chỉ cách mũi Đại Lãnh của tỉnh Phú Yên 120 hải lý.⁽⁴⁶⁾ Hành

⁽⁴⁶⁾ Theo TTXVN (27 tháng 5 năm 2011) “Tàu Trung Quốc cắt cáp thăm dò dầu khí của Việt Nam” VietNamNet, truy cập 12 tháng 6 năm 2011; BBC (27 tháng 5 năm 2011). “Tàu Trung Quốc 'vi phạm lãnh hải' Việt Nam”, BBC Vietnamese, truy cập 12 tháng 6 năm 2011; “Mức độ gây hấn của Trung Quốc tăng lên”, VnExpress (6 tháng 1 năm 2011), truy cập 1 tháng 6 năm

động này đánh dấu sự leo thang trong hành động gây hấn của Trung Quốc đối với Việt Nam, được các phương tiện truyền thông chính thống của Việt Nam thông tin rộng rãi, kịp thời, gây ra dư luận bức xúc cho người dân Việt Nam⁽⁴⁷⁾. Đây được coi là hành động vi phạm chủ quyền thuộc loại nghiêm trọng nhất mà Trung Quốc từng thực hiện tại vùng biển của Việt Nam trong thời gian gần đây. Việc các tàu hải giám Trung Quốc vào rất sâu trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam để phá hoại, cản trở các hoạt động thăm dò khảo sát bình thường của PVN là một hành động hết sức ngang ngược, vi phạm trắng trợn đối với quyền chủ quyền của Việt Nam, gây thiệt hại lớn về kinh tế và cản trở hoạt động của PVN⁽⁴⁸⁾.

Ngày 28/5/2011, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố: Trung Quốc vi phạm nghiêm trọng quyền chủ quyền của Việt Nam, yêu cầu nước này “chấm dứt ngay, không tái diễn” những hành động đó, đồng thời đòi bồi thường thiệt hại. Việt Nam cũng cho rằng hành động của Trung Quốc vi phạm Công ước luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc, trái với tinh thần và lời văn của tuyên bố năm 2002 giữa ASEAN và Trung Quốc về ứng xử của các bên trên Biển Đông, cũng như “nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước”.⁽⁴⁹⁾

Ngày 29/5/2011, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Phương Nga đã bác bỏ tuyên bố của bà Khuông Du, nói khu vực xảy ra sự việc không thể do Trung Quốc quản lý, và lên án nước này đang “làm phức tạp thêm tình hình ở Biển Đông”, “có tình làm dư luận hiểu nhầm khu vực không có tranh chấp thành khu

2011; “BBC Vietnamese - Việt Nam - Ý đồ của TQ”, Bbc.co.uk, truy cập 1 tháng 6 năm 2011; ‘Lam Nguyên’ (2011-05-31 16h57’), “Trung Quốc đi ngược 16 chữ cam kết với Việt Nam”, VnMedia, truy cập 3 tháng 6 năm 2011; BBC (28 tháng 5 năm 2011), “Việt Nam phản đối TQ vi phạm lãnh hải”, BBC Vietnamese, truy cập 12 tháng 6 năm 2011; BBC (29 tháng 5 năm 2011), “Hà Nội phản bác lại Trung Quốc”, BBC Vietnamese, truy cập 12 tháng 6 năm 2011.

⁽⁴⁷⁾ Tlđđ.

⁽⁴⁸⁾ Tlđđ.

⁽⁴⁹⁾ Tlđđ.

vực tranh chấp”. Việt Nam cũng khẳng định yêu sách “đường lưỡi bò” của Trung Quốc là “không có cơ sở pháp lý”.⁽⁵⁰⁾

Ngày 9/6/2011, 2 tuần sau vụ tàu Bình Minh 02, tàu khảo sát địa chấn 3D Viking 2 của liên doanh CGG Veritas (Pháp) được Tổng công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam thuê để thăm dò dầu khí ngoài khơi Vũng Tàu đã bị tàu Trung Quốc phá hoại thiết bị.⁵¹

Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Phương Nga đã “phản đối mạnh mẽ việc Trung Quốc vi phạm nghiêm trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam”, yêu cầu phía Trung Quốc “chấm dứt ngay và không để tái diễn” các vụ việc như thế. Bộ Ngoại giao Việt Nam cũng đã gặp đại diện Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội để phản đối⁽⁵²⁾.

Ngày 25/11/2011, tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội thứ XIII nước CHXHCN Việt Nam, Thủ tướng Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã nêu rõ: “Việt Nam có đủ căn cứ pháp lý và lịch sử khẳng định rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chúng ta làm chủ thực sự, ít nhất từ thế kỷ 17 khi hai quần đảo này chưa thuộc bất kỳ quốc gia nào. Chúng ta đã làm chủ trên thực tế và liên tục hòa bình”.

Ngày 21/6/2012 Quốc Hội khóa XIII của Việt Nam đã thông qua Luật Biển Việt Nam.

Luật Biển Việt Nam khẳng định chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với các vùng nội thủy, lãnh hải, hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp

lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công ước Luật Biển của Liên Hợp quốc và các nguyên tắc của pháp luật quốc tế. Đồng thời, Luật Biển Việt Nam quy định rõ Nhà nước Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp liên quan đến biên, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế

Trên thực tế, các sự kiện, văn kiện, chứng cứ chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa qua bao thế kỷ đến nay còn rất nhiều. Tuy vậy, với một số dẫn chứng nêu trên, cũng có đủ cơ sở vững chắc để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa phù hợp với thực tiễn và pháp luật quốc tế.

Từ những tư liệu lịch sử-pháp lý rõ ràng và căn cứ vào những nguyên tắc của luật pháp và tập quán quốc tế, có thể rút ra các kết luận sau đây:

Thứ nhất, Từ lâu, Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự và công khai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa khi mà các quần đảo đó chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào.

Thứ hai, Suốt trong mấy thế kỷ, ít nhất là từ thế kỷ 17 đến nay, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện thật sự và liên tục chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thứ ba, Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo vệ tích cực các quyền và danh nghĩa của mình trước mọi mưu đồ và hành động xâm phạm tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Thứ tư, Việc xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam qua các triều đại cho đến ngày nay là phù hợp với tập quán và pháp luật quốc tế. Từ trước đến nay, Việt Nam vẫn luôn khẳng định và có đầy đủ các căn cứ khoa học, pháp lý để chứng minh rằng Hoàng Sa và Trường Sa

⁽⁵⁰⁾ BBC (29 tháng 5 năm 2011), “Hà Nội phản bác lại Trung Quốc”, BBC Vietnamese, truy cập 12 tháng 6 năm 2011.

⁽⁵¹⁾ BBC (9 tháng 6 năm 2011), “Tàu Trung Quốc lại “phá cáp” của tàu Việt Nam thuê”, BBC Vietnamese, truy cập 12 tháng 6 năm 2011; Theo PetroTimes (10 tháng 6 năm 2011), “Clip vụ tàu Viking II bị tàu Trung Quốc uy hiếp”, VnExpress, Truy cập 12 tháng 6 năm 2011; Đông Hà, Minh Luận (10 tháng 6 năm 2011), “Tàu cá Trung Quốc xông thẳng vào tàu Viking 2”, Tuổi Trẻ Online, truy cập 12 tháng 6 năm 2011.

⁽⁵²⁾ BBC (9 tháng 6 năm 2011), “Tàu Trung Quốc lại “phá cáp” của tàu Việt Nam thuê”, BBC Vietnamese, truy cập 12 tháng 6 năm 2011.

thuộc chủ quyền của Việt Nam. Mọi âm mưu và hành động xâm phạm chủ quyền không thể bác bỏ của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là vi phạm pháp luật quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Lan Anh, *Quy chế pháp lý của đảo và tranh chấp Biển Đông: Quan điểm nào cho Việt Nam*, trên trang web <http://www.nghiencuubiendong.org>
- [2] Biển và đảo Việt Nam, *Tạp chí công tác tư tưởng văn hóa*, 11/1993.
- [3] J.Y.C. Trích dẫn trong bài “*Bí mật các đảo San hô - Nhật ký về cuộc hành trình đến Hoàng Sa*”. (Mystere des atolls - Journal de voyage aux Paracels) đăng trong tuần báo “*Đông Dương*” (Indochine) trong các số ngày 3, 10, 17 tháng 7 năm 1941 - Danh từ Vương quốc An Nam trong tài liệu chỉ nước Việt Nam thời bấy giờ.
- [4] A.Salles trích dẫn trong bài “*Hội ký về nước Cochinchine của J.B. Chaigneau*” (Le mémeire sur la Chochinchine de J.B. Chaigneau) đăng trong “*Tạp chí của những người bạn thành Huế cổ*” (“Bulletin des amis du vieux Huế”) số 2 năm 1923 tr. 257.
- [5] “*Ghi chép về địa lý nước Cochinchina*” (“Note on Geography of Cochinchina”) của giám mục Jean-Louis Taberd đăng trong “*Tạp chí của Hội châu Á Băng-Gan*” (The Journal of the Asiatic Society of Bengal) tập VI, 1837, tr.745.
- [6] Bài “*Địa lý vương quốc Cochinchina*” (Geography of the Cochinchinese Empire) đăng trong “*Tạp chí Hội địa lý Hoàng gia Luân Đôn*” (The Journal of the Royal Geography Sociely of London) tập XIX, 1849, tr.93.
- [7] Monique Chemillier - Gendreau, *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.137.
- [8] BBC (9 tháng 6 năm 2011), “*Tàu Trung Quốc lại “phá cáp” của tàu Việt Nam thuê*”, [BBC Vietnamese](#).
- [9] Sách Trắng của Bộ Ngoại giao Việt Nam về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các năm 1979, 1981, 1988.
- [10] Mark Valencia, John M. Vandeke, and Noel A. Lugwig, *Chia sẻ nguồn tài nguyên ở Biển Nam Trung Hoa*.
- [11] Nguyễn Bá Diễn (chủ biên), *Chính sách pháp luật biển Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, NXB Tư pháp, 2006.
- [12] Nguyễn Bá Diễn, “*Quy chế pháp lý quốc tế chung về biển, đảo và những vấn đề cần áp dụng đối với Hoàng Sa, Trường Sa*”, *Tạp chí Khoa học Luật học*, tập 25, số 3 (2009) 160.
- [13] Nguyễn Bá Diễn, *Địa vị pháp lý của đảo trong phân định các vùng biển*, Bài tham luận tại Hội thảo quốc gia về Biển Đông lần thứ hai, Hà Nội tháng 4/2011, Trang thông tin điện tử Nghiên cứu Biển Đông, <http://nghiencuubiendong.vn/toa-dam-hoi-thao/hoi-thao-quoc-gia-ve-bien-dong-lan-thu-hai-ha-noi-42011/1503-dia-vi-phap-ly-cua-dao-trong-phan-dinh-cac-vung-bien>
- [14] Lưu Văn Lợi, *Việt Nam, đất-biển-trời*, NXB Công an Nhân dân, 1990.
- [15] Nguyễn Mạnh Hiến và những người khác, *Quy chế đảo của Công ước 1982 và tình hình hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Đề tài nhánh của KC. 09-14.
- [16] Phan Thạch Anh, *Chính trị dầu lửa của các đảo Nam Sa - lập luận pháp lý không thể tranh cãi của Trung Quốc*, Hong Kong, 1996.
- [17] BienDong.Net, Công hàm số 480/POL-703/VII/10 ngày 8 tháng 7 năm 2010 của đại diện Phái đoàn thường trực nước Cộng hòa Indonesia gửi Tổng thư ký Liên hợp quốc để phản đối yêu sách đường lưỡi bò của Trung Quốc.
- [18] Brice M.Clayet, *Những yêu sách đối kháng của Việt Nam và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong Biển Đông*, NXB Chính trị Quốc gia, 1996.
- [19] Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [20] Nguyễn Hồng Thao (chủ biên), *Công ước Biển 1982 và chiến lược biển của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008.
- [21] Nguyễn Hồng Thao, *Cuộc chiến pháp lý mới về Đường lưỡi bò ở Biển Đông, Hội thảo quốc gia về Biển Đông lần thứ hai (Hà Nội 4/2011)*.
- [22] Nhiều tác giả (2011), *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2011.
- [23] *Giới thiệu hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*”, Trang Thông tin điện tử bản quyền thuộc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đăng tải ngày 11/6/2009, <http://cucktbnlts.gov.vn/vn/Print/1302.asp>.

- [24] Gerardo M.C. Valero, *Những tranh chấp ở quần đảo Trường Sa*, 18 *Marine Policy*, 314 - 315 (1994).
- [25] “Note N. 480/POL-703/VII/10”, 8 July 2010 (Permanent Mission of the Republic of Indonesia to the United Nations, New York), Commission on the Limits of the Continental Shelf (CLCS) (Phái đoàn thường trực của Cộng hòa Indonesia tại Liên Hợp quốc, New York, Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa)
- [26] Outer limits of the continental shelf beyond 200 nautical miles from the baselines: Submissions to the Commission: Joint submission by Malaysia (Ranh giới ngoài thềm lục địa vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở: Bản đệ trình bởi Malaysia)
http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submission_s_files/mysvnm33_09/idn_2010re_mys_vnm_e.pdf (accessed 26 October 2010).
- [27] Marius Gjetnes. Maritime Zones Generated by the Spratlys: Legal Analysis and Geographical Overview// *Energy and Security in the South China Sea Project*. University of Oslo, 24-26/4/1999. (Các vùng biển phát sinh bởi Trường Sa: Phân tích pháp lý và Tổng quan về Địa lý// Dự án Năng lực và An ninh ở Biển Nam Trung Hoa, Đại học Oslo, 24-26/4/1999).
- [28] Conference for the Conclusion and Signature of the Peace Treaty with Japan, U. N. Treaty Series, Volume 136, p. 46. (Hội nghị ký kết Hiệp định Hòa bình với Nhật Bản, LHQ. Tuyển tập Điều ước quốc tế, Tập 136, tr. 46)
- [29] Tuyên bố Potsdam ngày 26/7/1945.
- [30] Hiệp định Potsdam ngày 02/8/1945.
- [31] Extracts from the Report on the Tripartite Conference of Berlin (Potsdam) (August 2, 1945), *Official Gazette of the Control Council for Germany*, Supplement 1, p.13; reprinted in Beata Ruhm von Oppen, ed., *Documents on the Germany under Occupation, 1945-1954*. London and New York: Oxford University Press, (Trích lục từ Hội nghị Ba bên Berlin (Potsdam) (2/8/1045), Tạp chí chính thức của Hội đồng giám sát Đức, Phụ trương 1, tr.13).

Vietnam’s historical and legal sovereignty over the Hoang Sa and Truong Sa archipelagoes

Nguyen Ba Dien

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam

The article provides legal evidences to confirm indisputable sovereignty of Vietnam to the Paracel and the Spratly Archipelagos. This article analyzes some of the new content, which is quoted in the ancient geographical books and maps of Vietnam to prove Vietnam's sovereignty for the Archipelagos. One of the most notable content is at least from the Sixteenth Century, the State of Vietnam has conducted some activities in peaceful manner at sea in order to strengthen Vietnam's sovereignty with the Archipelagos. This article also provides real situation of the protection and the implementation of Vietnam's sovereignty to the Archipelagos from the 2nd World War to date and affirms the Vietnamese State has actual possession of the Archipelagos since which do not belong to any country.